

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

Gói thầu số 03: Thi công xây dựng công trình: Nạo vét tuyến kênh từ Cửa Chè đến nhà ông Hồng, thôn Phong Cầu 1, Phong Cầu 2, xã Kiến Minh

1. Đối tượng nghiệm thu:

- *Nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành Gói thầu số 03: Thi công xây dựng công trình: Nạo vét tuyến kênh từ Cửa Chè đến nhà ông Hồng, thôn Phong Cầu 1, Phong Cầu 2, xã Kiến Minh*

2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a) Đại diện Tư vấn QLDA: Công ty TNHH tư vấn dịch vụ xây dựng MH2

Ông: Bùi Văn Hiến

Chức vụ: Giám đốc

Ông:

Chức vụ:

b) Đại diện TVGS: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Trung Đông

Bà: Nguyễn Thị Mai

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Nguyễn Ngọc Nam

Chức vụ: Tư vấn giám sát

c) Đại diện nhà thầu: Công ty TNHH Xây dựng Định Sơn

Ông: Nguyễn Sĩ Sơn

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Nguyễn Sĩ Thòa

Chức vụ: Chỉ huy trưởng

3. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: 08h 00 phút, ngày 01 tháng 06 năm 2026

Kết thúc: 11h 00 phút, ngày 01 tháng 06 năm 2026

Tại hiện trường thi công xây dựng công trình:

4. Đánh giá công việc đã thực hiện:

4.1 Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt và những điều chỉnh đã được chấp thuận (nếu có);

- Hợp đồng xây dựng số 15.4/2026/HĐTCXD ngày 15 tháng 04 năm 2026 giữa Phòng Kinh tế xã Kiến Minh và Công ty TNHH Xây dựng Định Sơn) và các tài liệu kèm theo hợp đồng (nếu có);

- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng: hệ thống TCVN;

- Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng;

- Các biên bản nghiệm thu vật liệu trước khi đưa vào sử dụng thi công;

- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng;
- Nhật ký thi công và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;
- Hồ sơ quản lý chất lượng, bản vẽ hoàn công bộ phận công trình xây dựng và các văn bản, tài liệu khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

4.2 Về phạm vi khối lượng thực hiện: Bảng khối lượng công việc hoàn thành kèm theo.

4.3 Về chất lượng công việc xây dựng:

- Thi công đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt;
- Đạt yêu cầu kỹ thuật công trình theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

4.4 Các ý kiến khác (nếu có): Không

5. Kết luận:

- Chấp thuận nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành Gói thầu số 03: Thi công xây dựng công trình: Nạo vét tuyến kênh từ Cửa Chè đến nhà ông Hồng, thôn Phong Cầu 1, Phong Cầu 2, xã Kiến Minh



ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



ĐẠI DIỆN TƯ VẤN QUẢN LÝ DỰ ÁN



BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH
(Kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành
ngày 01/06/2026)

Công trình: Nạo vét tuyến kênh từ Cửa Chè đến nhà ông Hồng, thôn Phong Cầu 1, Phong Cầu 2, xã Kiến Minh

Gói thầu số 03: Thi công xây dựng

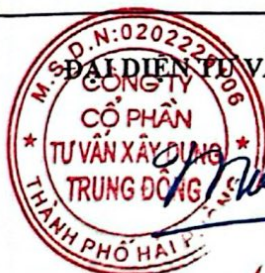
Chủ đầu tư: Hợp đồng số 15.4/2026/HĐTCXD ngày 15 tháng 04 năm 2026

Tư vấn QLDA: Công ty TNHH tư vấn dịch vụ xây dựng MH2

Tư vấn giám sát: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Trung Đông

Nhà thầu: Công ty TNHH xây dựng Định Sơn

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng Theo HĐ/PLHĐ	Khối lượng hoàn thành		
				Quyết toán	Chênh lệch	
1	2	3	4	5	6=5-4	8
1	Đào kênh mương, chiều rộng <= 6m, máy đào 0,8m ³ , đất cấp I	100m ³	81,875	81,875		
2	Đắp bờ bằng máy đào có dung tích gầu 0,65m ³	100m ³	74,4775	74,4775		
3	Phát quang dọn mặt bằng thi công	100m ²	99,000	99,000	-	
4	Công tác vớt rau bèo vật cản mương thoát nước	100m ²	82,500	82,500	-	
5	Phao thép trọng tải 60T	ca	62	62		
6	Nhân công hỗ trợ lắp ghép phao thép	công	6	6		
7	Ô tô đầu kéo + Rơ moóc vận chuyển máy chuyên dụng đến và đi	ca	2	2		
8	Ô tô gắn cần trục 16T vận chuyển phao thép	ca	2	2	-	



ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT

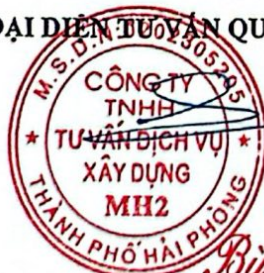
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Mai

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



Giám đốc
Nguyễn Sĩ Sơn

ĐẠI DIỆN TƯ VẤN QUẢN LÝ DỰ ÁN



GIÁM ĐỐC
Bùi Văn Hiến

Công trình: Nạo vét, đắp bờ kênh từ Cửa Chè đến nhà Ông Hồng, thôn Phong Cầu 1, Phong Cầu 2
Địa điểm xây dựng: Xã Kiến Minh, thành phố Hải Phòng

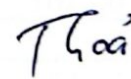
STT	Danh mục công tác	Đơn vị tính	Số bộ phận giống nhau	Diễn giải khối lượng				Khối lượng một bộ phận	Khối lượng toàn bộ
				Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)	Diện tích (m ²)		
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=2*3*4*5	(7)=1*6
*	Phần Nạo vét, đắp bờ								
1	Khối lượng đất đào	m3							8.187,500
			1,0	8.187,500				8.187,500	8.187,500
2	Khối lượng đất đắp	m3							7.447,750
	Đắp bằng máy		1,0	5.355,250				5.355,250	5.355,250
	Đắp thủ công		1,0	2.092,500				2.092,500	2.092,500
3	Phát quang cây cối trên tuyến	m2							9.900,000
			1,0	1.650,000	6,000			9.900,000	9.900,000
4	Công tác vớt rau bèo vật cản mương thoát nước	m2							8.250,000
			1,0	1.650,000	5,000			8.250,000	8.250,000
5	Phao thép trọng tải 60T	ca							62,000
			1,0	8.187,500	0,325	0,010		26,609	26,609
			1,0	5.355,250	0,658	0,010		35,238	35,238
6	Ô tô đầu kéo - công suất : 150,0 CV + Rơ moóc - trọng tải : 15,0 T vận chuyển máy móc chuyên dụng đi và về (máy đào, máy chuyên dụng ...)	ca							2,000
			1,0	2,000				2,000	2,000

TƯ VẤN GIÁM SÁT



Nguyễn Ngọc Nam

NHÀ THẦU THI CÔNG



Nguyễn Sĩ Thỏa

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẬP

Công trình: Nạo vét, đắp bờ kênh từ Cửa Chè đến nhà Ông Hồng, thôn Phong Cầu 1, Phong Cầu 2

Địa điểm xây dựng: Xã Kiến Minh, thành phố Hải Phòng

Mặt cắt	Khoảng cách (m)	Áp dụng	Diện tích (m2)		Khối lượng (m3)			Ghi chú
			Đất đào	Đắp máy	Đắp thủ công	Đất đào	Đắp máy	Đắp thủ công
A		25,0	4,70	2,67	1,35	117,50	66,75	33,75
	50,0							
1		50,0	4,35	1,55	0,72	217,50	77,50	36,00
	50,0							
2		50,0	4,25	2,50	0,76	212,50	125,00	38,00
	50,0							
3		50,0	4,43	2,70	1,33	221,50	135,00	66,50
	50,0							
4		50,0	4,59	3,31	1,42	229,50	165,50	71,00
	50,0							
5		50,0	4,59	2,86	1,33	229,50	143,00	66,50
	50,0							
6		50,0	4,71	2,95	1,36	235,50	147,50	68,00
	50,0							
7		50,0	4,21	3,09	1,40	210,50	154,50	70,00
	50,0							
8		50,0	4,39	2,10	0,76	219,50	105,00	38,00
	50,0							
9		50,0	4,39	1,96	0,76	219,50	98,00	38,00
	50,0							
10		50,0	4,24	3,22	1,17	212,00	161,00	58,50
	50,0							
11		50,0	4,32	3,08	1,35	216,00	154,00	67,50

Mặt cắt	Khoảng cách (m)	Áp dụng	Diện tích (m2)		Khối lượng (m3)			Ghi chú
			Đất đào	Đắp máy	Đắp thủ công	Đất đào	Đắp máy	Đắp thủ công
	50,0							
12	50,0	50,0	4,43	3,12	1,40	221,50	156,00	70,00
13	50,0	50,0	4,42	3,00	1,40	221,00	150,00	70,00
14	50,0	50,0	4,71	2,97	1,40	235,50	148,50	70,00
15	50,0	50,0	4,71	2,80	1,40	235,50	140,00	70,00
16	50,0	50,0	4,23	2,72	1,09	211,50	136,00	54,50
17	50,0	50,0	4,66	2,57	1,08	233,00	128,50	54,00
18	50,0	50,0	4,84	2,81	1,10	242,00	140,50	55,00
19	50,0	50,0	4,78	2,77	1,10	239,00	138,50	55,00
20	50,0	50,0	4,53	2,71	1,11	226,50	135,50	55,50
21	50,0	50,0	4,70	2,71	1,10	235,00	135,50	55,00
22	50,0	50,0	4,63	2,83	1,10	231,50	141,50	55,00
23	50,0	50,0	4,60	2,73	1,11	230,00	136,50	55,50
24	50,0	50,0	4,69	2,82	1,11	234,50	141,00	55,50

Mặt cắt	Khoảng cách (m)	Áp dụng	Diện tích (m2)			Khối lượng (m3)			Ghi chú
			Đất đào	Đắp máy	Đắp thủ công	Đất đào	Đắp máy	Đắp thủ công	
25		50,0	5,94	4,57	1,64	297,00	228,50	82,00	
	50,0								
26		50,0	5,94	2,38	0,82	297,00	119,00	41,00	
	50,0								
27		50,0	5,93	5,09	1,69	296,50	254,50	84,50	
	50,0								
28		50,0	6,05	4,76	1,66	302,50	238,00	83,00	
	50,0								
29		50,0	6,14	4,74	1,66	307,00	237,00	83,00	
	50,0								
30		50,0	6,61	5,55	1,68	330,50	277,50	84,00	
	50,0								
31		50,0	6,26	5,55	1,68	313,00	277,50	84,00	
	50,0								
32		50,0	6,81	4,82	1,65	340,50	241,00	82,50	
	50,0								
33		25,0	6,64	4,86	1,67	166,00	121,50	41,75	
Tổng:	1.650,00	1.650,00				8.187,50	5.355,25	2.092,50	

TƯ VẤN GIÁM SÁT



Nguyễn Ngọc Nam

NHÀ THẦU THI CÔNG



Nguyễn Sĩ Thỏa